

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 664/TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 1995

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc xuất khẩu sản phẩm gỗ và lâm sản

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 18 tháng 9 năm 1991;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp tại tờ trình số 1295/CNR ngày 20 tháng 5 năm 1995;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Các nhóm sản phẩm chủ yếu nêu trong Quyết định này là các loại sản phẩm chế biến từ gỗ hoặc gỗ kết hợp với các loại vật liệu khác được hiểu như sau:

- Hàng mỹ nghệ (bao gồm các sản phẩm mỹ nghệ làm thủ công và làm bằng máy, hoặc thủ công kết hợp máy) là những sản phẩm được chế biến bằng công nghệ chạm, trổ, khắc, khảm, tiện, trang trí bề mặt hoặc sơn mài có giá trị văn hoá, mỹ thuật cao.
- Hàng mộc cao cấp (bao gồm các loại bàn kê cả bàn thờ, ghế các loại, giường các loại kê cả sập, tủ các loại kê cả tủ tường, giá đỡ, giá treo các loại) là những sản phẩm được gia công, chế biến tinh vi, có chạm trổ, khắc, khảm, tiện, trang trí bề mặt hoặc sơn mài...
- Các sản phẩm hoàn chỉnh là các sản phẩm nguyên chiếc hoặc có thể tháo rời, nhưng khi lắp ghép lại, có thể dùng được ngay; phải qua các công nghệ bắt buộc gồm: sấy; cắt theo kích thước; bào, soi rãnh, làm mộng; đánh bóng; trang trí bề mặt.
- Mức độ gia công, chế biến của các nhóm sản phẩm nói tại khoản 1, 2, 3 trên đây không phân biệt gỗ rừng tự nhiên và rừng trồng (trừ nhóm gỗ nguyên liệu giấy quy định tại khoản 3, Điều 3 dưới đây).

Điều 2: Cấm xuất khẩu các loại gỗ lâm sản và sản phẩm chế biến từ gỗ, lâm sản sau đây:

1. Các loại gỗ, lâm sản và sản phẩm chế biến từ các loại gỗ, lâm sản thuộc nhóm IA trong danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 01 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).
2. Gỗ tròn các loại ở mọi quy cách kích thước còn nguyên vỏ, đã bóc vỏ hay đã bào.
3. Gỗ xẻ các loại ở mọi quy cách kích thước chưa bào hoặc đã bào phẳng các mặt.
4. Gỗ bóc làm nguyên liệu sản xuất ván dán.
5. Song và mây nguyên liệu.
6. Củi gỗ và than hầm từ gỗ hoặc củi gỗ.
7. Ván sàn tinh chế thuộc nhóm gỗ IA, IIA trong danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 1 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và ván sàn sơ chế thuộc các nhóm gỗ khác.
8. Các loại sản phẩm, bán sản phẩm tiêu hao nhiều nguyên liệu như: xà điện, tà vẹt, cột gỗ các loại (cột điện, cột nhà, cột buồm...), khung cửa ra vào, khung cửa sổ, quan tài các loại (trừ quan tài làm bằng ván nhân tạo), thùng, bệ xe ô tô các loại, kệ kho, cốp pha, palét, nhà tiền chế, phôi sản phẩm...

Điều 3: Các loại lâm sản và sản phẩm chế biến từ gỗ dưới đây được phép xuất khẩu và do Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp cho phép và quy định thủ tục cấp giấy phép sản xuất để xuất khẩu.

1. Các sản phẩm là hàng mỹ nghệ, đồ mộc cao cấp chế biến từ gỗ, lâm sản thuộc nhóm IIA trong danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 01 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).
2. Các loại sản phẩm hoàn chỉnh không thuộc hàng mỹ nghệ, mộc cao cấp chế biến từ các loại gỗ quý hiếm khác ở trong nước (ngoài các loại gỗ thuộc nhóm IA, IIA quy định tại Nghị định số 18/HĐBT ngày 17 tháng 1 năm 1992). Bộ Lâm nghiệp xác định rõ và công bố danh mục nhóm gỗ quý hiếm thuộc khoản 2 Điều này.
3. Gỗ lông, bạch đàn, bồ đề, các loại keo đến tuổi khai thác ngoài vùng quy hoạch nguyên liệu giấy và nhu cầu nguyên liệu giấy trong nước chưa cần đến.
4. Sản phẩm chế biến từ gốc rễ cây rừng tự nhiên do tận dụng hợp pháp.
5. Các loại sản phẩm chế biến từ nguồn gốc nhập khẩu hợp pháp.